

Bản án số: 32/2019/HS-ST

Ngày: 19/9/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THỦY, TỈNH HOÀ BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trịnh Đình Sơn

Bà: Nguyễn Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Bùi Văn T, sinh ngày 21/8/1995 tại xã Lạc Hưng, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình; Nơi cư trú: Xóm Hợp Nhất, xã Lạc Hưng, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T1 và bà Bùi Thị L; có vợ là Hoàng Thị X và 01 con sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo Bùi Văn T bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/7/2019 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo T:

Bà: Bùi Thị T3, sinh năm 1985

Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hoà Bình

- *Người bị hại:* Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1979; Trú tại: Xóm Hợp Lý, xã Lạc Hưng, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông: Bùi Văn T1, sinh năm 1966; Trú tại: Xóm Hợp Nhất, xã Lạc Hưng, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (Có mặt)

+ Bà: Bùi Thị L, sinh năm 1971; Trú tại: Xóm Hợp Nhất, xã Lạc Hưng, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (Có mặt).

+ Ông: Hà Minh T5, sinh năm 1968; Trú tại: Xóm Suối Thượng, xã Nuông Dăm, huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 25/7/2019 Bùi Văn T, trú tại xóm Hợp Nhất, Lạc Hưng, Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28S5 – 4113 mượn của bố đẻ là ông Bùi Văn T1 cùng trú tại xóm Hợp Nhất, xã Lạc Hưng đi từ chỗ làm tại đồi theo thuộc xóm Suối Thượng, Nuông Dăm, Kim Bôi, Hoà Bình về nhà tại xóm Hợp Nhất. Sau khi về tới nhà do thiếu tiền chi tiêu nên T nảy sinh ý định trời tối sẽ đi cướp tài sản của người khác trên đoạn đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Lạc Hưng, huyện Yên Thủy, T đã tháo biển kiểm soát 28S5 – 4113 của xe mô tô ra khỏi xe nhằm tránh sự phát hiện, sau đó lấy một con dao dài 46cm, loại dao một lưỡi, phần lưỡi dao dài 34cm, mũi dao tù, chuôi dao được cuốn dây cao su màu đen dài 12cm của gia đình cất ở dưới yên xe mô tô mục đích sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội. Sau khi chuẩn bị công cụ, phương tiện xong T ăn cơm và đi ngủ cùng vợ con tại nhà. Đến 03 giờ 10 phút ngày 26/7/2019 T dậy điều khiển xe mô tô đi ra đường Hồ Chí Minh, khi đi đến đoạn đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xóm Hợp Nhất thì T dừng xe ở mé đường bên phải hướng Thanh Hoá đi Hà Nội rồi ngồi trên xe chờ người đi qua đường là phụ nữ điều khiển xe một mình đi qua khu vực đó thì T sẽ đi theo đến đoạn đường vắng và thực hiện hành vi cướp tài sản. Ngồi chờ đến 03 giờ 40 phút cùng ngày T quan sát thấy chị Nguyễn Thị T4, trú tại xóm Hợp Lý, Lạc Hưng, Yên Thủy, Hoà Bình điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28F1-021.33 một mình chở hàng đi trên đường Hồ Chí Minh hướng Hà Nội đi Thanh Hoá đi qua. T lấy dao và cầm trên tay trái và điều khiển xe mô tô đuổi theo sau chờ đi đến đoạn đường vắng cách xa khu dân cư và không có người đi đường sẽ thực hiện hành vi cướp tài sản của chị T4. Sau đó T điều khiển xe đi theo chị T4 đến khu vực dốc com đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xóm Minh Tiến, Lạc Hưng, Yên Thủy, Hoà Bình quan sát phía trước, sau không có người, hai bên đường là đồi và vực sâu nên điều khiển xe tăng tốc rồi áp sát, tay trái cầm dao dơ ra trước mặt chị T4 yêu cầu dừng xe lại. Khi chị T4 dừng xe lại, thì T điều khiển xe dừng chặn cách khoảng một mét phía trước đầu xe chị T4 rồi xuống xe tiến đến

gần phía bên trái chị T4 (chị T4 vẫn ngồi trên xe), khi tiến đến gần T tay trái cầm dao kề vào cổ chị T4 và nói “Mày có bao nhiêu tiền thì đưa hết đây, nếu kêu lên hoặc báo công an thì tao giết chết”, nghe vậy chị T4 sợ hãi nói “tiền và điện thoại ở hết trong túi”, T nhìn thấy phía trước ngực chị T4 có một túi xách có dây đeo qua cổ thì tay phải cầm dây đeo, còn tay trái cầm dao cắt đứt dây và cướp lấy túi. Sau khi cướp được túi thì T quấn phần dây của túi bị đứt lại rồi tiếp tục hỏi chị T4 là “còn tiền nữa không”, thì chị T4 nói “hết rồi”, tuy nhiên T không tin và tiếp tục dùng tay phải kiểm tra phía ngoài túi quần bên trái của chị T4, khi biết chị T4 không còn tài sản, thì tay trái cầm dao và túi rồi điều khiển xe mô tô đi quay lại để về nhà. Khi về đến nhà T cất dao dưới yên xe mô tô, sau đó đi vào nhà bếp bật điện thoại để kiểm tra tài sản trong túi vừa cướp được thì thấy bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu itel, màu đen, cũ đã qua sử dụng và một số tiền (lúc này T không biết có bao nhiêu tiền), ngoài ra không còn tài sản nào khác, sau đó T lấy toàn bộ tiền cho vào túi quần, còn chiếc điện thoại thì tháo 02 sim ra bỏ gãy và vứt sim tại đoạn đường trước nhà, rồi cất giấu chiếc điện thoại ở buồng của nhà mình. Sau đó T điều khiển chiếc xe mô tô cầm theo chiếc túi xách đi ra đoạn đường đất thuộc xóm Hợp Nhất cách nhà khoảng 300 mét và vứt xuống vực có dòng suối cạnh đường, rồi tiếp tục đi đến đồi keo thuộc xóm Suối Thượng, Nuông Dăm, Kim Bôi, Hoà Bình nơi làm để trốn tránh sự nghi ngờ và phát hiện của cơ quan chức năng. Khi đi tới nơi T nói với mẹ là vừa nhặt được tiền rồi đưa toàn bộ số tiền vừa cướp được cho mẹ là bà Bùi Thị L kiểm đếm thì thấy tổng số tiền 630.000 đồng gồm 01 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng và nhiều tờ tiền có mệnh giá khác nhau. Sau khi đếm xong bà L đưa lại toàn bộ số tiền này cho T, đến trưa cùng ngày T cầm số tiền này ra chợ huyện Kim Bôi sử dụng ăn uống hết số tiền là 530.000 đồng, còn lại 01 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng mang về đưa cho bà L nhờ mua sữa giúp cho con của T. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày Bùi Văn T bị bắt giữ khẩn cấp và thu giữ 01 biển kiểm soát 28S5-4113; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu itel, màu đen, cũ đã qua sử dụng và 01 con dao dài 46cm.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 01/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình kết luận 01 chiếc túi xách màu đen, cũ đã qua sử dụng có giá trị là 41.600đ (Bốn mươi một nghìn sáu trăm đồng) và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu itel, màu đen, cũ đã qua sử dụng có giá trị là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại thông báo kết quả giám định tiền số 516/TB-HBI ngày 08/8/2019 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hoà Bình kết luận 01 tờ tiền

Polymer của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Yên Thủy đề nghị giám định là tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành (tiền thật).

Xét không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thủy đã trả lại vật chứng là 01 tờ tiền Polymer mệnh giá 100.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu itel, màu đen, cũ đã qua sử dụng cho chị Nguyễn Thị T4; trả lại vật chứng là 01 chiếc biển kiểm soát dạng biển số xe mô tô bằng kim loại kích thước 19cm x 14cm, trên biển có dập chữ nổi và số là 28S5-4113, cũ đã qua sử dụng; 01 Giấy đăng ký xe mô tô số 024956 của xe mô tô biển kiểm soát 28S5-4113; 01 chiếc xe mô tô không biển kiểm soát, không có yếm nhãn hiệu WARAI-RX, loại xe nữ, màu nâu, số máy: MG-R*730146*; số khung: GMHY7H730146 cho ông Bùi Văn T1.

Đối với 01 con dao bằng kim loại dài 46cm, loại dao một lưỡi, phần lưỡi dao dài 34cm và có bản rộng 3,5cm, mũi dao tù rộng 2cm, phần chuôi dao dài 12cm được quấn bằng cao su màu đen, dao cũ đã qua sử dụng là vật chứng vụ án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy ra quyết định chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thủy để quản lý xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 530.000 đồng theo lời khai của Bùi Văn T sau khi cướp được của chị Nguyễn Thị T4 đã chi tiêu cá nhân hết, không có cơ sở truy thu.

Đối với ông Bùi Văn T1, trú tại xóm Hợp Nhất, Lạc Hưng, Yên Thủy, Hoà Bình là chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28S5-4113 đã cho bị cáo sử dụng, sau đó bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra làm rõ ông Bùi Văn T1 không biết nên không có hình thức xử lý.

Đối với bà Bùi Thị L, trú tại xóm Hợp Nhất, Lạc Hưng, Yên Thủy, Hoà Bình đã nhận của Bùi Văn T số tiền 100.000 đồng nhưng không biết đây là tiền do phạm tội mà có nên không xem xét, xử lý.

Đối với ông Hà Minh T5, trú tại xóm Suối Thượng, xã Nuông Dăm, Kim Bôi, Hoà Bình đã cho ông Bùi Văn T1 gửi 01 chiếc xe mô tô không biển kiểm soát, không có yếm nhãn hiệu WARAI-RX, loại xe nữ, màu nâu, số máy: MG-R*730146*; số khung: GMHY7H730146, ông T5 không biết chiếc xe được sử dụng vào việc phạm tội nên không có hình thức xử lý.

Tại cơ quan điều tra Bùi Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị T4 đã nhận số tiền bồi thường 1.000.000 đồng từ mẹ đẻ của bị cáo T là bà Bùi Thị L và cũng đã nhận lại tài sản; người liên quan ông Bùi Văn T1 đã nhận lại tài sản. Chị T4 và ông T1 không có yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L không yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) mà bà đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị T4.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKS-YT ngày 26/8/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình đã truy tố Bùi Văn T về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 điều 168 Bộ luật hình sự.

Thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, sau khi xem xét đánh giá toàn diện nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trình bày quan điểm và luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về trách nhiệm hình sự:

- + Hình phạt chính: Tuyên bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Bùi Văn T từ 07 (Bảy) năm đến 08 (Tám) năm tù.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Bùi Văn T vì bị cáo không có thu nhập ổn định, sống ở vùng kinh tế - xã hội 135 đặc biệt khó khăn.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu huỷ một con dao có đặc điểm hình dáng như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/8/2019 giữa cơ quan điều tra công an huyện Yên Thủy với chỉ cục thi hành án dân sự huyện Yên Thủy.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý (TGVPL) bà Bùi Thị T3 bào chữa cho bị cáo Bùi Văn T trình bày bản luận cứ, đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 06 (Sáu) năm đến 07 (Bảy) năm tù.

- + Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T sống ở vùng 135 kinh tế - xã hội khó khăn, không có việc làm ổn định, không có thu nhập đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

- + Về vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật.

- + Về án phí: Bị cáo sống vùng 135 kinh tế - xã hội khó khăn, gia đình là hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, gia đình bị cáo có đơn đề nghị xin miễn án phí hình sự có xác nhận của chính quyền địa phương, vậy đề nghị HĐXX áp dụng điểm

đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

*** Phần đối đáp tranh luận giữa đại diện Viện kiểm sát và trợ giúp viên pháp lý:**

- Việc TGVPL đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận bởi lẽ tội cướp là tội phạm cấu thành hình thức chứ không phải tội phạm cấu thành vật chất.

- TGVPL đề nghị áp dụng khoản 1 điều 54 quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt...Đại diện Viện kiểm sát không nhất trí vì bị cáo T phạm tội rất nghiêm trọng với lỗi cố ý, nếu áp dụng thì không có tính giáo dục, phòng ngừa tội phạm đề nghị hội đồng xét xử không áp dụng.

- Trợ giúp viên pháp lý vẫn giữ nguyên quan điểm trong bản luận cứ đã trình trước phiên tòa.

Bị cáo Bùi Văn T không tranh luận và nhất trí như quan điểm của trợ giúp viên pháp lý bào chữa bảo vệ quyền lợi cho bị cáo.

Bị cáo Bùi Văn T đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy truy tố.

Bị cáo T nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Yên Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật và đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ và có lời khai tại Cơ quan điều tra; có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] *Về tội danh:* Lời nhận tội của bị cáo Bùi Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, khớp với lời khai của người bị hại, người liên quan và vật chứng thu được. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 03 giờ 40 phút ngày 26/7/2019 Bùi Văn T, trú tại xóm Hợp Nhất, Lạc Hưng, Yên Thủy,

Hoà Bình đã có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm, cầm dao kề vào cổ chị Nguyễn Thị T4 không chế chiếm đoạt của chị T4 01 túi xách màu đen, cũ đã qua sử dụng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu itel, màu đen, cũ đã qua sử dụng và 630.000 đồng. Do vậy việc truy tố và xét xử bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Quá trình nghiên cứu hồ sơ, xét hỏi và tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử vào nghị án thấy rằng:

- TGVPL đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn T là không phù hợp vì tội cướp là tội phạm cấu thành hình thức chứ không phải là tội phạm cấu thành vật chất nên HĐXX không áp dụng.

- TGVPL đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử dưới khung hình phạt là không hợp lý vì bị cáo T phạm tội rất nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp, khách thể của tội phạm là quyền sở hữu tài sản của cá nhân, quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ của con người. Hội đồng xét xử nhất trí với quan điểm tranh tụng của đại diện Viện kiểm sát.

- Vật chứng vụ án: Hội đồng xét xử nhất trí xử lý theo quy định của pháp luật

- Về án phí: Mặc dù bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là hộ cận nghèo, gia đình bị cáo có đơn xin miễn án phí hình sự, có xác nhận của chính quyền địa phương, nhưng hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, manh động, quyết liệt, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy HĐXX buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi nêu trên của bị cáo T gây mất trật tự trị an, làm hoang mang trong quần chúng nhân dân; đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người dân là những khách thể được luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức việc làm của mình là sai trái. Song vì ham chơi, lười lao động, muốn hưởng thu trên thành quả lao động của người khác và coi thường pháp luật nên bị cáo đã đe dọa, sử dụng vũ lực để chiếm đoạt tài sản. Lỗi của bị cáo trong vụ án là lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy, cần có một hình phạt nghiêm khắc nhằm trừng trị và giáo dục bị cáo, góp phần hạn chế sự gia tăng của loại hình tội phạm này trong tình hình hiện nay.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Bùi Văn T không có tiền án, tiền sự, bản thân có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, là người dân tộc, sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] *Hình phạt bổ sung*: Hiện tại bị cáo T không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Không

[8] *Về vật chứng của vụ án*:

- Chị Nguyễn Thị T4 đã nhận lại tài sản gồm: 01 tờ tiền Polymer mệnh giá 100.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu itel, màu đen, cũ đã qua sử dụng là tang vật của vụ án và không đề nghị gì. Do vậy, HĐXX không đề cập giải quyết.

- Ông Bùi Văn T1 đã nhận lại tài sản gồm: 01 chiếc biển kiểm soát dạng biển số xe mô tô bằng kim loại kích thước 19cm x 14cm, trên biển có dập chữ nổi và số là 28S5-4113, cũ đã qua sử dụng; 01 Giấy đăng ký xe mô tô số 024956 của xe mô tô biển kiểm soát 28S5-4113; 01 chiếc xe mô tô không biển kiểm soát, không có yếm nhãn hiệu WARAI-RX, loại xe nữ, màu nâu, số máy: MG-R*730146*; số khung: GMHY7H730146 là tang vật của vụ án và không đề nghị gì. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao bằng kim loại dài 46cm, loại dao một lưỡi, phần lưỡi dao dài 34cm và có bản rộng 3,5cm, mũi dao tù rộng 2cm, phần chuôi dao dài 12cm được quấn bằng cao su màu đen, dao cũ đã qua sử dụng, là dụng cụ, công cụ phạm tội.

[9] *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[10] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2019.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao bằng kim loại dài 46cm, loại dao một lưỡi, phần lưỡi dao dài 34cm và có bản rộng 3,5cm, mũi dao tù rộng 2cm, phần chuôi dao dài 12cm được quấn bằng cao su màu đen, dao cũ đã qua sử dụng, là dụng cụ, công cụ phạm tội.

Tình trạng vật chứng có đặc điểm mô tả cụ thể tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/8/2019 giữa cơ quan điều tra công an huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình và Chi cục Thi hành án huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình.

3. Án phí: Bị cáo Bùi Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Yên Thủy;
- CA huyện Yên Thủy;
- THAHS - DS huyện Yên Thủy;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Người bị hại; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Văn Cường

